

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52/2024/DS-ST**

Ngày: 26/4/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
hợp tác*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trịnh Ngọc Hồng

Ông Lê Anh Giàu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diễm Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2023/TLST-DS ngày 10/10/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-DS ngày 22/02/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông **Phan Hoàng N**; sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh BT

2. *Bị đơn:* **Công ty TNHH MTV AP Land** (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường số 2, khu phố C, phường K, thành phố BT, tỉnh BT

Đại diện theo pháp luật: ông **Nguyễn Hoàng V**, sinh năm: 1989 – Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án nguyên đơn ông N trình bày:

Vào ngày 28/11/2019, ông Nguyễn Hoàng V có lời mời ông tham gia góp vốn cho ông V. Ông V giới thiệu là Giám đốc Công ty chuyên về bất động sản. Theo ông V cho biết, ông V đang có kinh doanh phân lô, bán nền tại khu đất thuộc thửa đất số 94, 86 tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Vì tin tưởng do được ông V tự xưng là giám đốc công ty AP Land và có công ty tại phường 7 cô định. Nên vào ngày 28/11/2019 ông có đưa đủ số tiền

500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng) theo yêu cầu của ông V về việc góp vốn cho ông V để ông V dùng số tiền góp vốn của ông để đầu tư kinh doanh phân lô, bán nền tại thửa đất số 94, 87 tờ bản đồ 61, địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Để làm tin cho ông, ông Nguyễn Hoàng V có lập 02 văn bản với ông là: Biên bản thoả thuận góp vốn kinh doanh ngày 28/11/2019; Biên nhận số tiền 500 triệu đồng ngày 28/11/2019 và biên nhận số tiền 100 triệu đồng ngày 09/12/2019. Sau khi ông góp số tiền 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng) cho ông Nguyễn Hoàng V ông rất tin tưởng rằng ông V sẽ sử dụng số tiền này đầu tư theo như ông V đã giới thiệu, cam kết, chào mời góp vốn cho ông V. Sau khi hết thời hạn theo thoả thuận nhưng ông vẫn không nhận được lợi nhuận như ông V cam kết trong biên bản thoả thuận góp vốn, ông có liên hệ ông V hỏi về việc chia lợi nhuận và nhận lại tiền đã đầu tư như ông Nguyễn Hoàng V đã cam kết đưa ra trước đó thì ông V có hứa hẹn sẽ sớm thanh toán cho ông, nhưng ông đợi mãi trong khoảng thời gian rất dài cũng không thấy ông V thanh toán tiền như đã hứa.

Ông đã liên hệ ông V nhiều lần nhưng không được trả lời về việc thanh toán số tiền của ông đã đưa ông V để ông V đầu tư dự án như ông V đã hứa.

Sau đó, ông có tìm hiểu thì được biết ông Nguyễn Hoàng V không có dùng số tiền theo như lời chào mời đầu tư mà ông V đã hứa về việc mua đất ở Giồng Trôm kinh doanh. Thêm vào đó, ông V có hành vi dùng số tiền của ông không đúng mục đích như thoả thuận. Ông đã yêu cầu rất nhiều lần đến ông V nếu ông V không giải quyết trả lại số tiền đã nhận từ ông thì ông sẽ làm đơn khởi kiện ông V ra Tòa án.

Ngày 16/4/2023, ông Nguyễn Hoàng V có làm việc với ông về nội dung rằng ông V thống nhất xác nhận số tiền mà ông V sẽ gửi trả lại cho ông đã đầu tư góp vốn vào ngày 28/11/2019 cho ông V trực tiếp nhận tiền của ông. Tại biên bản làm việc ông V cam kết trả lại số tiền 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lợi nhuận là 250.000.000đồng (Hai năm năm mươi triệu đồng) lại cho ông. Sau khi kết thúc biên bản làm việc nêu trên ông V chỉ mới thực hiện một phần nghĩa vụ, cụ thể đã trả lại cho ông số tiền là 293.500.000đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng). Hiện tại, ông V còn nợ ông số tiền 556.500.000đồng (Năm trăm năm mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Do ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả lại tiền cho ông theo thoả thuận biên bản làm việc ngày 16/4/2023 và ông đã nhiều lần yêu cầu ông V thực hiện nghĩa vụ theo đúng biên bản làm việc ngày 16/4/2023 nhưng đến thời điểm hiện tại ông vẫn chưa nhận được khoản tiền nào theo đúng như thoả thuận ngày 16/4/2023 hay thiện chí giải quyết tranh chấp từ ông V.

Ngày 16/4/2023 là ngày mà ông Nguyễn Hoàng V, Giám đốc Công ty TNHH MTV An Phát Land (Công ty) có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền. Nhưng ông Nguyễn Hoàng V không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông.

Đến nay đã rất nhiều lần ông yêu cầu ông V là người đại diện cho công ty AP Land phải trả lại số tiền còn nợ cho ông nhưng ông V – người đại diện cho Công ty AP Land vẫn cố tình không trả lại tiền thêm một lần nào nữa theo như thoả thuận Từ

những cơ sở trên và căn cứ theo quy định pháp luật ông làm đơn này kính gửi đến Quý cơ quan xem xét, giải quyết cho ông nội dung như sau:

Buộc Công ty Công ty TNHH MTV AP Land có trách nhiệm trả lại số tiền còn nợ ông là 556.500.000đồng (Năm trăm năm mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Và tiền lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 16/4/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Tạm tính từ ngày 16/4/2023 đến ngày 16/12/2023 (8 tháng) với số tiền 36.951.000đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 593.451.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Vũ đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Vũ vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 13/11/2023 ông Phan Hoàng N có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV AP Land do ông Nguyễn Hoàng V là Giám đốc trả số tiền hùn vốn 556.500.000đồng (Năm trăm năm mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng) và phần lãi của số tiền trên từ ngày 16/4/2023 đến ngày xét xử. Công ty TNHH MTV AP Land có trụ sở tại phường 7, thành phố Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Bến Tre theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Ông N trình bày vào ngày 28/11/2019 và ngày 09/12/2019 ông có hùn vốn cho ông V giám đốc Công ty TNHH MTV AP Land số tiền 600.000.000 đồng để đầu tư kinh doanh phân lô, bán nền tại khu đất thuộc thửa đất số 94, 86 tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nhưng khi hết hạn không trả. Từ đó có đủ cơ sở kết luận quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*” được quy định tại Điều 504 của Bộ luật dân sự.

[3] Ông V mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời cũng không có người đại diện nên không thể tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng ông vẫn không có mặt để tham gia phiên tòa. Ngày 25/4//2024 ông N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N và ông V.

[4] *Về nội dung vụ án*: Tại tòa, ông N yêu cầu ông V trả cho ông số tiền hùn vốn 556.500.000đồng (Năm trăm năm mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng) và phần lãi của số tiền trên từ ngày 16/4/2023 đến ngày xét xử.

Xét Biên bản thỏa thuận góp vốn kinh doanh ngày 28/11/2019 thể hiện: Công ty TNHH MTV AP Land và ông N thỏa thuận Công ty TNHH MTV AP Land và ông N góp vốn tổng tài sản góp vốn của hai bên là 1.200.000.000 đồng theo tỷ lệ 1:1 tức ông

N 600.000.000 đồng và Công ty TNHH MTV AP Land 600.000.000 đồng. Ông N đã nộp cho công ty 02 lần vào ngày 28/11/2019 với số tiền 500.000.000 đồng và ngày 09/12/2019 với số tiền là 100.000.000 đồng hai bên có làm biên nhận thể hiện việc đã giao nhận tiền có chữ ký và đóng dấu Công ty. Bên cạnh đó ngày 16/4/2023 hai bên có biên bản làm việc, hai bên thống nhất Công ty TNHH MTV AP Land trả cho ông N số tiền tổng cộng là 850.000.000 đồng và cam kết thanh toán trong thời hạn 60 ngày. Hiện tại chỉ trả cho ông số tiền là 293.500.000 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng) còn nợ lại số tiền 556.500.000 đồng (Năm trăm năm mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Từ đó có cơ sở khẳng định giao dịch giữa ông N và Công ty TNHH MTV AP Land là có thật. Công ty TNHH MTV AP Land đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết nên ông N khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV AP Land phải thanh toán cho ông phần nợ trên và lãi suất là có cơ sở nên được chấp nhận.

Số tiền 556.500.000 đồng (Năm trăm năm mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng) ông N yêu cầu tính lãi mức 0,83%/tháng từ ngày 16/4/2023 đến khi xét xử sơ thẩm là 12 tháng 10 ngày; cụ thể:

Cụ thể: $556.500.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 12 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 56.967.050 \text{ đồng}$

Tổng cộng vốn và lãi là: $556.500.000 \text{ đồng} + 56.967.050 \text{ đồng} = 613.467.050$ (Sáu trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn không trăm năm mươi đồng)

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch Công ty TNHH MTV AP Land phải chịu là 28.538.600 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 207, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 504, 507, 509, 512 Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hoàng Nh; cụ thể tuyên:

Buộc Công ty TNHH MTV AP Land do ông Nguyễn Hoàng V là Giám đốc có trách nhiệm trả cho ông Phan Hoàng N số tiền là 613.467.050 (Sáu trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn không trăm năm mươi đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi thành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 28.538.600 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm đồng) Công ty TNHH MTV AP Land phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre phải hoàn lại cho ông Phan Hoàng N số tiền 13.869.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001004 ngày 17/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong